

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn giữa chị B và
anh T”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hường

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Hà Nam

- Bị đơn: Anh Lê Khánh T sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị B, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/3/2020, bản tự khai ngày 22/5/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Khánh T tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T. Quá trình chung sống đến tháng 9/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn càng tăng vào tháng 4/2014, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Hà Nam sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai hỏi han quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Khánh T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Kết quả xác minh với ông Lê Khánh B – bố đẻ anh Lê Khánh T và cơ sở Thôn L, xã N thấy: Chị Bùi Thị B và anh Lê Khánh T là vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng gia đình và cơ sở thôn không rõ chỉ biết từ tháng 4/2014 chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không chung sống tại gia đình anh T nữa. Nay chị B có đơn xin ly hôn anh T gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị B và anh T không có con chung. Về tài sản chung: gia đình và cơ sở thôn không rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Lê Khánh T; Về con chung: chị B và anh T không có con chung; về tài sản chung không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị B phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị B khởi kiện ly hôn với anh Lê Khánh T. Do anh T là bị đơn, cư trú tại Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Bùi Thị B và anh Lê Khánh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình cấp giấy đăng ký kết hôn số 30 ngày 15/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến tháng 9/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 4/2014 chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Hà Nam sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi hòa giải và các buổi tố tụng khác của Tòa án. Như vậy, anh T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, hơn nữa thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh, chị thực tế chỉ tồn tại về mặt hình thức, anh, chị thực sự không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị B, xử cho chị B được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị B và anh Lê Khánh T không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Lê Khánh T không có ý kiến trình bày nên về tài sản Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị B và anh Lê Khánh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Lê Khánh T.
2. Về con chung: Chị Bùi Thị B và anh Lê Khánh T không có con chung.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết
4. Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị B đã nộp theo biên lai thu số 0004390 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Khánh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã N, h. Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)